

BÁO CÁO**Tổng kết thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Công an đã tiến hành tổng kết việc thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15). Kết quả như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT**1. Bối cảnh trong nước và quốc tế liên quan đến các chính sách****1.1. Bối cảnh quốc tế**

Những năm gần đây, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến nhanh chóng, phức tạp và khó dự báo, với sự đan xen giữa các yếu tố ổn định và bất ổn về chính trị, kinh tế, an ninh và xã hội. Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng đã thúc đẩy mạnh mẽ các hoạt động giao thương, đầu tư, dịch chuyển vốn, công nghệ và lao động xuyên biên giới, làm gia tăng đáng kể số lượng người nước ngoài đến Việt Nam sinh sống, làm việc, học tập và kinh doanh. Bối cảnh này kéo theo sự gia tăng cả về số lượng, tính chất và mức độ phức tạp của các hành vi vi phạm hành chính có yếu tố nước ngoài, tập trung chủ yếu trong các lĩnh vực như hải quan, thuế, đầu tư, lao động, thương mại, tài chính, quản lý xuất nhập cảnh và cư trú của người nước ngoài.

Bên cạnh đó, cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, xu hướng bảo hộ mậu dịch, điều chỉnh chuỗi cung ứng toàn cầu và gia tăng các biện pháp phòng vệ thương mại đã làm phát sinh nhiều tranh chấp thương mại quốc tế, kéo theo các hành vi vi phạm hành chính ngày càng tinh vi như gian lận thương mại, gian lận xuất xứ hàng hóa, chuyển giá, trốn thuế, lợi dụng các ưu đãi từ các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên. Những hành vi này không chỉ gây thất thu ngân sách nhà nước mà còn tác động tiêu cực đến môi trường đầu tư, kinh doanh, trật tự quản lý kinh tế và uy tín quốc gia trong tiến trình hội nhập quốc tế.

Đặc biệt, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và sự phát triển bùng nổ của khoa học, công nghệ và công nghệ số đã làm thay đổi căn bản phương thức tổ chức các hoạt động kinh tế – xã hội, đồng thời tác động sâu sắc đến phương thức thực hiện các hành vi vi phạm hành chính. Bên cạnh những tác động tích cực, góp phần thúc đẩy đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa lực lượng sản xuất và phát triển bền vững, sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số cũng đặt ra nhiều thách thức mới đối với công tác quản lý nhà nước và thực thi pháp luật. Các hành vi vi phạm hành chính không còn bị giới hạn trong không gian vật lý truyền thống mà chuyển dịch mạnh mẽ sang không gian mạng, hình thành nhiều loại vi phạm mới trong các lĩnh vực như thương mại điện tử xuyên biên giới, cung cấp dịch vụ xuyên biên giới không phép, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng, quảng cáo số, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ và quyền tác giả trên nền tảng số. Việc phát hiện, xác minh, xác định chủ thể vi phạm, thẩm quyền xử lý và thu thập chứng cứ đối với các hành vi vi phạm hành chính trong môi trường số gặp nhiều khó khăn do tính ẩn danh cao, tốc độ lan truyền nhanh, phạm vi tác động rộng và sự khác biệt về hệ thống pháp luật, thẩm quyền quản lý giữa các quốc gia. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tiếp tục hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo hướng đồng bộ, thống nhất, phù hợp với thông lệ quốc tế và đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số.

Ngoài ra, các vấn đề an ninh phi truyền thống mang tính toàn cầu như biến đổi khí hậu, suy thoái môi trường, cạn kiệt tài nguyên, khủng hoảng năng lượng, thiên tai, dịch bệnh và các sự cố cháy, nổ diễn biến ngày càng phức tạp, đòi hỏi các quốc gia, trong đó có Việt Nam, phải tăng cường áp dụng các biện pháp quản lý hành chính nghiêm minh, hiệu quả. Việc xử lý kịp thời, đúng pháp luật các hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực tài nguyên, môi trường, phòng cháy, chữa cháy, an toàn năng lượng không chỉ nhằm bảo đảm trật tự, kỷ cương pháp luật mà còn góp phần thực hiện các cam kết quốc tế, bảo vệ lợi ích quốc gia và bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững.

1.2. Bối cảnh trong nước

Thời gian qua, Việt Nam ngày càng phát triển và tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò của mình trong khu vực, trên thế giới. Tình hình kinh tế - xã hội nước ta tiếp tục xu hướng phát triển rõ nét, tăng trưởng khởi sắc dần qua từng tháng, từng quý. Lạm phát thấp hơn mức mục tiêu, kết quả trên nhiều lĩnh vực quan trọng đạt và vượt mục tiêu đề ra, là điểm sáng về tăng trưởng kinh tế trong khu vực và trên thế giới. Việt Nam ngày càng tham gia sâu rộng vào nền chính trị thế giới, nền kinh tế toàn cầu, nền văn minh nhân loại, đảm nhiệm nhiều trọng trách quốc tế, phát huy vai trò tích cực tại nhiều tổ chức, diễn đàn đa phương quan

trọng. Công tác hoàn thiện thể chế được quan tâm thực hiện nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực tế, góp phần xây dựng hành lang pháp lý cho những vấn đề mới, xu hướng mới. Công cuộc cách mạng về chuyển đổi số đầy mạnh nhằm tạo đột phá cho phát triển đất nước những năm tiếp theo. Đặc biệt, Đảng và Nhà nước ta đã và đang tiến hành cuộc cách mạng tổ chức bộ máy Nhà nước theo hướng tinh gọn, mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả nhằm đưa đất nước ta bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình, nhận được sự đồng tình, ủng hộ của Nhân dân, thu hút sự quan tâm đặc biệt của truyền thông quốc tế.

Trong nước, tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục xu hướng phục hồi tích cực, song cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro. Quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa diễn ra nhanh chóng, cùng với sự gia tăng dân số cơ học, dẫn đến sự gia tăng phức tạp của các loại VPHC trong các lĩnh vực trật tự xây dựng, giao thông, vệ sinh môi trường, quản lý đất đai tại các khu đô thị lớn và khu công nghiệp. Các hành vi vi phạm có tổ chức, quy mô lớn, gây bức xúc dư luận (ví dụ như khai thác khoáng sản trái phép, vi phạm về an toàn thực phẩm trên diện rộng).

Thời gian gần đây, Đảng, Nhà nước ta rất coi trọng chuyển đổi số và xem đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu; đặc biệt, ngày 22/12/2024, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, trong đó yêu cầu *“đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh”*. Do vậy, Luật XLVPHC cũng cần phải được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung để tăng cường hơn nữa việc ứng dụng khoa học, công nghệ trong hoạt động xử lý vi phạm hành chính, nhằm góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phù hợp với xu thế phát triển chung, mang tính tất yếu trong kỷ nguyên mới của dân tộc.

Thực tiễn thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính thời gian qua cho thấy, việc xử lý vi phạm hành chính về cơ bản được thực hiện nghiêm minh, đúng pháp luật, góp phần quan trọng trong việc giữ vững trật tự, kỷ cương quản lý hành chính nhà nước, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức và cá nhân. Tuy nhiên, qua quá trình tổ chức thực hiện, Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành đã bộc lộ những hạn chế, bất cập liên quan đến mức tiền phạt, thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền, điều kiện bảo đảm thi hành quyết định xử phạt,... Những hạn chế này, dù đã được sửa đổi, bổ sung qua nhiều lần, song vẫn chưa

được khắc phục một cách toàn diện, đặt ra yêu cầu cần tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật Xử lý vi phạm hành chính, nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong tình hình mới.

2. Quá trình thực hiện tổng kết

Ngày 16/7/2025, Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 366/TB-VPCP thông báo kết luận của Thường trực Chính phủ về Đề xuất của Chính phủ về Chương trình lập pháp năm 2026, trong đó, Thường trực Chính phủ thống nhất về việc *“giao Bộ Công an là cơ quan chủ trì nghiên cứu, xây dựng dự án Luật Xử lý vi phạm hành chính (thay thế), trình Quốc hội xem xét, thông qua trong năm 2026”*.

Để triển khai nhiệm vụ nêu trên, Bộ Công an đã có Công văn số 3317/BCA-V03 ngày 25/7/2025 đề nghị Tòa án nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Công an các đơn vị, địa phương tổ chức tổng kết đánh giá tình hình, kết quả triển khai thi hành các văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính từ ngày 01/7/2013 đến ngày 30/6/2025.

Trên cơ sở Báo cáo của các cơ quan, đơn vị, tổ chức và tổng hợp các Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hằng năm, Bộ Công an đã xây dựng Báo cáo tổng kết thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành

1.1. Công tác chỉ đạo triển khai thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết thi hành luật

Đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ: Nhằm tổ chức thi hành hiệu quả Luật XLVPHC và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật, hầu hết các bộ, ngành đều quan tâm, chú trọng việc ban hành kế hoạch riêng về công tác thi hành pháp luật về XLVPHC hằng năm hoặc lồng ghép công tác này vào các kế hoạch công tác khác. Trên cơ sở kế hoạch chung của bộ, các cơ quan, đơn vị thuộc bộ đã chủ động xây dựng và ban hành các chương trình, kế hoạch riêng hoặc lồng ghép trong các kế hoạch thanh tra, kiểm tra đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm phù hợp với nhu cầu thực tiễn của cơ quan, đơn vị mình.

Bên cạnh đó, hầu hết các bộ, ngành đều chủ động, thường xuyên ban hành văn bản chỉ đạo, quán triệt các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình thực hiện nghiêm Luật XLVPHC và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật.

Tại các địa phương: Hằng năm, công tác triển khai thi hành Luật XLVPHC và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật ngày càng được UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quan tâm thực hiện. Theo Báo cáo từ UBND các tỉnh, thành phố, hầu hết các địa phương đã ban hành kế hoạch riêng để triển khai, tổ chức thực hiện công tác quản lý nhà nước về XLVPHC trên địa bàn; một số địa phương còn lại đã lồng ghép nội dung chỉ đạo triển khai thi hành Luật XLVPHC và văn bản quy định chi tiết thi hành Luật trong kế hoạch hoạt động hoặc kế hoạch công tác tư pháp hằng năm.

Bên cạnh đó, để thực hiện kịp thời, có hiệu quả các quy định pháp luật về XLVPHC, hướng dẫn, chấn chỉnh công tác thi hành pháp luật về XLVPHC trên địa bàn, nhiều địa phương cũng đã chủ động, thường xuyên quán triệt, chỉ đạo ban hành các văn bản tiếp tục triển khai thi hành Luật XLVPHC, Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (Nghị định số 118/2021/NĐ-CP); Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính (Nghị định số 19/2020/NĐ-CP);... các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính (XPVPHC) trong các lĩnh vực quản lý nhà nước mới được ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung nhằm tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng nội dung của Luật và các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật.

1.2. Công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

Sau khi Quốc hội thông qua Luật XLVPHC, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Kế hoạch triển khai và Danh mục nghị định quy định chi tiết thi hành Luật XLVPHC ban hành kèm theo Quyết định số 1473/QĐ-TTg ngày 05/10/2012. Để Luật XLVPHC được thực thi, Chính phủ đã ban hành các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật XLVPHC, đặc biệt là hệ thống các nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước. Trên cơ sở các Nghị định do Chính phủ ban hành, một số Bộ, cơ quan ngang Bộ cũng đã chủ động ban hành các Thông tư hướng dẫn cụ thể quy định của Nghị định trong lĩnh vực do mình quản lý.

Theo nhiệm vụ được phân công, hằng năm, các bộ, ngành đã chủ trì soạn thảo, trình Chính phủ ban hành các Nghị định quy định về XPVPHC trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình. Đối với các dự thảo văn bản không được giao chủ trì soạn thảo, các bộ, ngành đã cử cán bộ, công chức tham gia Tổ soạn thảo, tham gia góp ý bằng văn bản, tham gia các Hội đồng thẩm định đối với các dự thảo Nghị định quy định XPVPHC theo đề nghị của cơ quan chủ trì soạn thảo.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC được Quốc hội Khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 9 ngày 25/6/2025, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025. Để triển khai thi hành Luật kịp thời, toàn diện, thống nhất và hiệu quả, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1688/QĐ-TTg ngày 06/8/2025 ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính; theo đó, hiện nay, các bộ, ngành đang xây dựng các nghị định sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới để phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC.

Đối với công tác hợp nhất văn bản, sau khi Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung, các bộ, ngành được giao chủ trì soạn thảo đã chủ động hợp nhất Nghị định XPVPHC theo thẩm quyền.

1.3. Công tác phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật xử lý vi phạm hành chính

Đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ: Công tác tuyên truyền, phổ biến Luật XLVPHC và các văn bản quy định chi tiết Luật chủ yếu được thực hiện thông qua hội nghị triển khai, hội nghị tập huấn, hội nghị trực tuyến hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng. Ngoài ra, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành, lĩnh vực, các Bộ hằng năm đều tiến hành tổ chức các hội nghị tập huấn về kỹ năng và nghiệp vụ cho các chức danh có thẩm quyền xử phạt VPHC trong Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương.

Tại các địa phương: Công tác phổ biến, tuyên truyền được UBND các tỉnh, thành phố quan tâm chỉ đạo, giao Sở Tư pháp, Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh tổ chức hội nghị triển khai Luật XLVPHC kịp thời đến cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân bằng nhiều hình thức như: biên soạn chuyên mục hỏi đáp về Luật XLVPHC phát trên đài truyền thanh, truyền hình; mở các chuyên trang, chuyên đề và tăng thời lượng tuyên truyền, phổ biến pháp luật về XLVPHC; phát tờ rơi, tờ gấp; tổ chức cuộc thi tìm hiểu về Luật XLVPHC nhằm nâng cao ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân đối với các quy định của Luật XLVPHC.v.v. Cụ thể, trung bình hằng năm, Công an các địa phương đã tổ chức hơn 90 nghìn cuộc phổ biến, giáo dục pháp luật trực tiếp với 14 triệu lượt người tham dự; tổ chức hơn 400 cuộc thi tìm hiểu pháp luật với hơn 600 nghìn lượt người dự thi; biên soạn, in phát hành hơn 3 triệu bản tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật, trong đó có hơn 200 nghìn tài liệu được đăng tải trên internet để tăng độ phổ cập của tài liệu và tạo điều kiện thuận lợi cho Công an đơn vị, địa phương khai thác, sử dụng.

Về công tác bồi dưỡng, tập huấn pháp luật về XLVPHC và công tác quản lý thi hành pháp luật về XLVPHC: hầu hết các địa phương đã cử cán bộ tham dự các đợt bồi dưỡng, tập huấn pháp luật về XLVPHC và công tác quản lý thi hành pháp luật về XLVPHC do Bộ Tư pháp tổ chức. Bên cạnh đó, các sở, ban, ngành cũng đã cử cán bộ, công chức thuộc ngành mình quản lý tham gia bồi dưỡng, tập huấn XLVPHC do các Bộ, ngành chủ quản tổ chức cũng như tổ chức tập huấn cho toàn thể cán bộ, công chức trong ngành về XLVPHC. Ngoài ra, có địa phương cũng đã chủ động tổ chức các hội nghị triển khai, các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu về XLVPHC trên địa bàn các tỉnh, thành phố.

1.4. Công tác kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

Đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ: Sau khi Luật XLVPHC được ban hành và có hiệu lực, hầu hết việc kiểm tra việc thi hành pháp luật về XLVPHC ở các Bộ, cơ quan ngang Bộ được tổ chức thực hiện dưới hình thức lồng ghép với các chuyên đề theo dõi thi hành pháp luật về XLVPHC trong từng lĩnh vực cụ thể hoặc các cuộc thanh tra hành chính. Ngoài ra, cũng có một số Bộ đã xây dựng Kế hoạch kiểm tra riêng về việc thi hành pháp luật về XLVPHC. Cụ thể, trong giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2025, các bộ, cơ quan ngang bộ đã tổ chức hơn 120 cuộc kiểm tra mỗi năm về công tác thi hành pháp luật về XLVPHC.

Công tác phối hợp giữa các Bộ trong việc kiểm tra cũng được một số Bộ thực hiện thường xuyên, cụ thể: Hằng năm, Bộ Tư pháp đều tổ chức các cuộc kiểm tra liên ngành về tình hình thi hành pháp luật về XLVPHC cũng như trong các lĩnh vực cụ thể, cùng với đó, các Bộ cũng tích cực cử cán bộ tham gia các Đoàn kiểm tra liên ngành do Bộ Tư pháp chủ trì.

Tại các địa phương: Các địa phương quan tâm thực hiện, thường xuyên đôn đốc làm tốt chức năng hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật. Qua các Báo cáo tổng kết thi hành Luật XLVPHC cho thấy, hầu hết các địa phương đều ban hành các Kế hoạch kiểm tra thi hành pháp luật về XLVPHC và tình hình XPVPHC trong từng lĩnh vực cụ thể. Cùng với đó, nhiều đoàn kiểm tra, tổ công tác liên ngành đã được thành lập để kiểm tra việc thực hiện công tác giải quyết khiếu nại có liên quan đến công tác XLVPHC, áp dụng pháp luật về các BPXLHC; tình hình ban hành các văn bản QPPL, các quyết định về XLVPHC... trong một số lĩnh vực trọng tâm. Thông qua hoạt động kiểm tra công tác THPL về XLVPHC, các địa phương đã phát hiện, chấn chỉnh, xử lý kịp thời những sai sót, vi phạm trong quá trình THPL về XLVPHC và tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật về XLVPHC,

qua đó, góp phần tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong việc tổ chức thực hiện, áp dụng pháp luật và bảo đảm hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật về XLVPHC.

2. Kết quả thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, đánh giá ưu điểm, bất cập, hạn chế

2.1. Tình hình vi phạm hành chính

Số vụ VPHC đã phát hiện là: **74.769.686** vụ việc, tổng số vụ việc đã xử phạt là **66.248.509** vụ việc (chiếm **88,6%** số vụ vi phạm).

Nhìn chung, các vụ việc vi phạm xảy ra cơ bản đã được phát hiện và xử lý kịp thời, đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục theo quy định, góp phần quan trọng trong bảo đảm an ninh trật tự các địa bàn trên cả nước. Tỷ lệ số vụ việc đã bị xử phạt so với tổng số vụ việc đã bị phát hiện ngày càng tăng (từ 66% vào năm 2014 lên **đến 95% vào năm 2024**).

Tình hình VPHC diễn ra ngày càng phức tạp với nhiều thủ đoạn tinh vi hơn trên các lĩnh vực đời sống xã hội, trong đó, xảy ra chủ yếu ở các lĩnh vực như giao thông đường bộ; trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ môi trường; an toàn thực phẩm; kinh doanh; đất đai; xây dựng. Nguyên nhân của tình hình vi phạm chủ yếu là do ý thức tuân thủ, hiểu biết về pháp luật của một bộ phận người dân còn hạn chế. Do người vi phạm không có việc ổn định, sự xuống cấp về đạo đức của một số bộ phận thanh thiếu niên, cùng với sự tác động của mặt trái của nền kinh tế thị trường hay một số đối tượng vi phạm vì mục đích lợi nhuận. Đối với hành vi vi phạm của người nước ngoài có diễn biến phức tạp, nhiều vụ việc không chỉ là hành vi vi phạm hành chính (như quá hạn tạm trú, nhập cảnh trái phép, đánh bạc, lập các cơ sở kinh doanh ngành nghề, dịch vụ nhạy cảm, sử dụng trái phép chất ma túy...) mà đã phát sinh vi phạm pháp luật hình sự.

Qua tổng hợp báo cáo của các cơ quan, **qua 13 năm** triển khai thi hành Luật XLVPHC, công tác XPVPHC đã được phát huy hiệu quả, thể hiện như sau: Kịp thời phát hiện và xử lý những hành vi VPHC theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định, mức độ tuân thủ pháp luật và thi hành quyết định xử phạt tương đối cao; ý thức chấp hành pháp luật của người dân cũng như cơ quan, người có thẩm quyền đã được nâng lên.

2.2. Tình hình áp dụng các quy định chung về xử lý vi phạm hành chính

Nhìn chung, tình hình, kết quả áp dụng quy định chung về XLVPHC được thực hiện đúng theo quy định của Luật XLVPHC và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, bảo đảm tuân thủ quy định về nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính; đối tượng bị xử lý vi phạm hành chính; thẩm quyền xử phạt vi phạm

hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; thời hiệu xử lý vi phạm hành chính; thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính; tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng; tái phạm; vi phạm hành chính nhiều lần; những hành vi bị nghiêm cấm.

Các chức danh có thẩm quyền XPVPHC đối với từng lĩnh vực đã được quy định tại Luật XLVPHC và được cụ thể hóa tại các nghị định xử phạt trong từng lĩnh vực; việc quy định những chức danh này là phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của từng lực lượng cụ thể. Việc tăng thẩm quyền xử phạt cho cấp cơ sở đã góp phần cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người bị xử phạt nhanh chóng thi hành quyết định, nâng cao tính kịp thời và hiệu quả của việc XPVPHC, giảm tình trạng dồn việc xử phạt lên cấp trên.

Ngày 01/7/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 189/2025/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; trong đó, khắc phục một phần những khó khăn, vướng mắc liên quan đến thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, bảo đảm phù hợp với tổ chức bộ máy mới.

2.3. Tình hình xử phạt vi phạm hành chính

- Tổng số vụ việc vi phạm đã bị xử phạt: **66.248.509** vụ việc¹.
- Số vụ việc bị chuyển truy cứu cứu trách nhiệm hình sự: **397.284** vụ việc (chiếm 0,6% tổng số vụ việc bị XPVPHC).
- Số vụ do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự chuyển đến để XPVPHC: **264.994** vụ việc (chiếm khoảng 0,4% tổng số vụ việc bị XPVPHC).
- Số vụ áp dụng biện pháp thay thế XLVPHC (nhắc nhở) đối với người chưa thành niên: **200.308** vụ (chiếm khoảng 0,3% tổng số vụ việc bị XPVPHC).
- Tổng số đối tượng bị xử phạt: **57.292.667** đối tượng.

Các hình thức XPVPHC hiện nay khá đầy đủ, phù hợp với tình hình thực tế, trong đó, hình thức xử phạt được áp dụng chủ yếu là hình thức phạt tiền. Trong một số trường hợp, hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện VPHC nặng hơn hình thức xử phạt chính (phạt tiền), dẫn đến người vi phạm từ bỏ tài sản, không chấp hành quyết định xử phạt. Đối với một số lĩnh vực như giao thông, tài nguyên, môi trường khi áp dụng biện pháp tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm lại không có đủ điều kiện, bến bãi, nhà kho, gây khó khăn trong quá trình áp dụng và thi hành pháp luật.

¹ Bao gồm cả các quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo Điều 65 Luật XLVPHC.

Về xử phạt trực xuất: Toàn quốc ghi nhận đã xử phạt vi phạm hành chính áp dụng hình thức xử phạt bổ sung trực xuất đối với hàng nghìn trường hợp. Riêng Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an đã trực xuất 456 trường hợp người nước ngoài vi phạm trong lĩnh vực xuất nhập cảnh; đề xuất áp dụng biện pháp quản lý người nước ngoài trong thời gian làm thủ tục trực xuất đưa vào cơ sở lưu trú của Bộ Công an đối với hơn 60 trường hợp. Tại các địa phương, Công an thành phố Hà Nội đã xử phạt vi phạm hành chính áp dụng hình thức xử phạt bổ sung trực xuất đối với 484 trường hợp, Công an thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt vi phạm hành chính áp dụng hình thức xử phạt bổ sung trực xuất đối với 719 trường hợp¹.

- Về áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả: Các biện pháp khắc phục hậu quả thường xuyên được áp dụng là biện pháp buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu; buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp do thực hiện hành vi VPHC; buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng giấy phép; buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm độc hại. Việc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả góp phần tạo ra sức răn đe, làm tăng ý thức chấp hành pháp luật của đối tượng vi phạm, đặc biệt trong trường hợp đã hết thời hiệu xử phạt thì đối tượng vi phạm vẫn phải có nghĩa vụ áp dụng các biện pháp này. Tuy nhiên, công tác kiểm tra, theo dõi thi hành biện pháp khắc phục hậu quả chưa thực sự hiệu quả do các cá nhân, tổ chức vi phạm thường không tự giác chấp hành cũng như lực lượng thực thi công vụ còn mỏng chưa thực hiện đầy đủ việc theo dõi thi hành các biện pháp đáp ứng được yêu cầu thực tiễn.

- Về mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực quản lý nhà nước: Trên cơ sở mức phạt tối đa được quy định tại Điều 24 Luật XLVPHC, mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực và mức phạt tiền cụ thể đối với các hành vi vi phạm đã được quy định trong các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trên từng lĩnh vực. Nhưng thực tế áp dụng thời gian qua cho thấy, trong một số lĩnh vực thì mức phạt tiền đối với từng hành vi còn chưa tương xứng tính chất, mức độ hậu quả vi phạm như: lĩnh vực an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, khoáng sản, phòng cháy, chữa cháy...

2.4. Tình hình thi hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính

- Tổng số quyết định XPVPHC đã thi hành: **58.527.335** quyết định.

¹ Báo cáo số 2935/BC-BCA-V03 ngày 17/11/2025 của Bộ Công an tổng kết việc thi hành Nghị định số 142/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 quy định hình thức xử phạt trực xuất, biện pháp tạm giữ người, áp giải người vi phạm theo thủ tục hành chính và quản lý người nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam trong thời gian làm thủ tục trực xuất

- Tổng số tiền phạt thu được: hơn **112 nghìn tỉ** đồng (112.050.195.979.395 đồng).
- Tổng số tiền thu được từ bán, thanh lý tang vật, phương tiện bị tịch thu: hơn **5 nghìn tỉ** đồng (5.304.950.503.605 đồng).
- Số lượng quyết định bị khiếu nại, khởi kiện: **7023** vụ.

2.5. Tình hình cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Nhìn chung, các quyết định xử phạt vi phạm hành chính được cá nhân, tổ chức vi phạm tự nguyện chấp hành, có một số địa phương như Cao Bằng, Cần Thơ, Tây Ninh,... không ban hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính từ năm 2014 đến nay; tuy nhiên, vẫn có trường hợp không tự nguyện chấp hành dẫn đến phải ban hành quyết định cưỡng chế. Qua thống kê sơ bộ có **48.305** quyết định cưỡng chế xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành; trong đó, số quyết định cưỡng chế xử phạt vi phạm hành chính do lực lượng Công an ban hành chiếm khoảng 80%. Nhiều trường hợp đã tự nguyện chấp hành sau khi quyết định cưỡng chế được ban hành, một số trường hợp không thể thi hành quyết định cưỡng chế do doanh nghiệp không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh, không có tiền trong tài khoản, không có tài sản, doanh nghiệp giải thể, không có tài sản, cá nhân bị cưỡng chế không có tiền để nộp, không có tài sản để thi hành quyết định cưỡng chế...¹

Trong quá trình thi hành quyết định xử phạt VPHC, các cơ quan, đơn vị đã làm tốt công tác phối hợp tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành tốt các quy định của pháp luật nói chung, quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt VPHC nói riêng. Thông qua công tác tuyên truyền, các cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm đều tự giác chấp hành, thực hiện đúng thời hạn thi hành quyết định xử phạt và thời hạn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do VPHC gây ra.

Bộ Công an đã chủ trì xây dựng, tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định số 296/2025/NĐ-CP ngày 16/11/2025 quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thay thế Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/ 2013 nhằm khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các quy định về cưỡng chế thi hành quyết định XPVPHC.

2.6. Tình hình áp dụng các biện pháp xử lý hành chính

¹ Báo cáo số 2721/BC-BCA ngày 19/11/2024 của Bộ Công an tổng kết triển khai thực hiện Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

- Tổng số đối tượng bị lập hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính (BPXLHC) là **442.749 đối tượng**, trong đó:

+ Số lượng đối tượng bị đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn (nay là giáo dục tại xã, phường, đặc khu): **199.885 đối tượng**, chiếm khoảng 45,1% tổng số đối tượng bị lập hồ sơ đề nghị áp dụng các BPXLHC;

+ Số lượng đối tượng bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng: **1.770 đối tượng**;

+ Số lượng đối tượng bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc: **5.275 đối tượng**;

+ Số lượng đối tượng bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc: **235.848 đối tượng**.

- Tổng số đối tượng bị áp dụng các BPXLHC là **383.070 đối tượng** (chiếm khoảng 87% tổng số đối tượng bị lập hồ sơ đề nghị); trong đó:

+ Số lượng đối tượng bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn (nay là giáo dục tại xã, phường, đặc khu): **172.890 đối tượng**, chiếm khoảng 35,5% số đối tượng bị áp dụng các BPXLHC;

+ Số lượng đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng: **1.540 đối tượng**;

+ Số lượng đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc: **3.453 đối tượng**;

+ Số lượng đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc: **205.187 đối tượng**; chiếm khoảng 62,6% số đối tượng bị áp dụng các BPXLHC.

2.7. Tình hình áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt vi phạm hành chính

- Về tạm giữ, tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính: Theo thống kê, từ năm 2022 đến nay, toàn quốc đã tạm giữ và xử lý khoảng hơn **870.000** tang vật, phương tiện, giấy tờ vi phạm hành chính, trong đó có khoảng **128.000** phương tiện giao thông và gần **197.000** các loại giấy phép, đăng ký, chứng chỉ hành nghề. Tổng số tiền phạt, thanh lý, bán đấu giá và nộp ngân sách nhà nước đạt khoảng hơn **514** tỷ đồng¹.

¹ Báo cáo số 2912/BC-BCA ngày 17/11/2025 của Bộ Công an tổng kết thi hành Nghị định số 138/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu và giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo thủ tục hành chính

- Biện pháp quản lý người nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam trong thời gian làm thủ tục trục xuất: trên toàn quốc có hàng nghìn trường hợp người nước ngoài được đưa vào các cơ sở lưu trú của Bộ Công an và cơ sở lưu trú của Công an địa phương để quản lý trong thời gian làm thủ tục trục xuất, trong đó, thành phố Hà Nội ghi nhận 202 trường hợp, thành phố Hồ Chí Minh ghi nhận 152 trường hợp, tỉnh Thanh Hóa ghi nhận 40 trường hợp, Hải Phòng ghi nhận 19 trường hợp, tuy nhiên, vẫn có một số tỉnh không áp dụng được biện pháp này do thiếu cơ sở lưu trú cho người nước ngoài.

- Biện pháp áp giải người vi phạm theo thủ tục hành chính: áp dụng biện pháp áp giải người vi phạm theo thủ tục hành chính đối với hàng trăm trường hợp, trong đó, tỉnh Đồng Nai thực hiện biện pháp áp giải đối với 62 trường hợp, thành phố Hải Phòng thực hiện biện pháp áp giải đối với 47 trường hợp.

- Biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính được thực hiện với hàng chục trường hợp, trong đó, tỉnh Thanh Hóa ghi nhận 18 trường hợp, tỉnh Lào Cai ghi nhận 02 trường hợp bị áp dụng biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính¹.

2.8. Tình hình xử lý đối với người chưa thành niên vi phạm hành chính

- Tổng số người chưa thành niên bị áp dụng biện pháp thay thế XLVPHC quản lý tại gia đình²: **7.786** đối tượng.

- Tổng số người chưa thành niên được áp dụng biện pháp thay thế giáo dục dựa vào cộng đồng³: **30** đối tượng.

3. Khó khăn, vướng mắc

3.1. Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định của pháp luật

3.1.1. Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính

- Điểm c khoản 1 Điều 5 Luật XLVPHC về đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính quy định: *“Cá nhân, tổ chức nước ngoài vi phạm hành chính trong phạm vi lãnh thổ, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; trên tàu bay mang quốc tịch*

¹ Báo cáo số 2935/BC-BCA-V03 ngày 17/11/2025 của Bộ Công an tổng kết việc thi hành Nghị định số 142/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 quy định hình thức xử phạt trục xuất, biện pháp tạm giữ người, áp giải người vi phạm theo thủ tục hành chính và quản lý người nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam trong thời gian làm thủ tục trục xuất

² Biện pháp thay thế XLVPHC quản lý tại gia đình chỉ áp dụng đối với người chưa thành niên bị áp dụng BPXLHC GDTXPĐK; không áp dụng đối với đối tượng bị áp dụng BPXLHC đưa vào TGD, đưa vào CSGDBB, đưa vào CSCNBB.

³ Biện pháp thay thế XLVPHC giáo dục dựa vào cộng đồng chỉ áp dụng đối với người chưa thành niên bị áp dụng BPXLHC đưa vào TGD; không áp dụng đối với đối tượng bị áp dụng BPXLHC GDTXPĐK, đưa vào CSGDBB, đưa vào CSCNBB.

Việt Nam, tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.”

Như vậy, Luật chỉ quy định xử phạt đối với “tổ chức nước ngoài có hành vi vi phạm trên lãnh thổ Việt Nam”, không đề cập đến việc xử phạt tổ chức nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam nhưng thực hiện hành vi vi phạm có ảnh hưởng trong nước. Ngoài ra, các nghị định hướng dẫn thi hành, không có định nghĩa hay nguyên tắc xử lý riêng cho pháp nhân nước ngoài không đăng ký, không hoạt động thực tế tại Việt Nam. Điều này dẫn đến khó khăn trong thực tiễn, đặc biệt đối với các lĩnh vực như thương mại điện tử, công nghệ, truyền thông xuyên biên giới, khi vi phạm phát sinh từ tổ chức nước ngoài không có địa chỉ, văn phòng đại diện hay chi nhánh tại Việt Nam.

- Về thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính:

Điểm a khoản 1 Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính như sau:

“a) Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 01 năm, trừ các trường hợp sau đây:

Vi phạm hành chính về kế toán; hóa đơn; phí, lệ phí; kinh doanh bảo hiểm; quản lý giá; chứng khoán; sở hữu trí tuệ; xây dựng; thủy sản; lâm nghiệp; điều tra, quy hoạch, thăm dò, khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên nước; hoạt động dầu khí và hoạt động khoáng sản khác; bảo vệ môi trường; năng lượng nguyên tử; quản lý, phát triển nhà và công sở; đất đai; đê điều; báo chí; xuất bản; sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh hàng hóa; sản xuất, buôn bán hàng cấm, hàng giả; quản lý lao động ngoài nước thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 02 năm.

Vi phạm hành chính về thuế, kiểm toán độc lập thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, pháp luật về kiểm toán độc lập;”.

Luật Xử lý vi phạm hành chính hiện hành đang quy định cụ thể về thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực. Tuy nhiên, trong thời gian qua, nhiều trường hợp vi phạm hành chính nhưng không chấp hành thông báo của cơ quan chức năng về việc giải quyết vi phạm, đặc biệt là trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông đường bộ, nhiều lái xe ô tô vi phạm hành chính nhưng không chấp hành thông báo về việc giải quyết vi phạm; mặc dù Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ đã quy định tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ mà chưa thực hiện xong yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết vụ việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông đường bộ thì chưa được giải quyết việc đăng kiểm

phương tiện vi phạm, nhưng do chu kỳ kiểm định lần đầu của xe ô tô không kinh doanh vận tải là 03 năm, trong khi thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ là 01 năm nên nhiều chủ xe lợi dụng kẽ hở này để không chấp hành yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết vụ việc vi phạm hành chính mà chờ đến kỳ kiểm định tiếp theo, khi đã hết thời hiệu xử phạt, hạn chế hiệu quả của việc xử lý vi phạm qua hệ thống giám sát “phạt nguội” hiện nay. Bên cạnh đó, thực tiễn xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm cho thấy cần tăng thời hiệu xử phạt đối với vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm lên 03 năm để đảm bảo thời gian phù hợp cho việc xử lý các vụ việc phức tạp cần thời gian xác minh, phân tích kiểm định, giám định để có thể ban hành quyết định đúng, không bỏ lọt vi phạm, đặc thù một số ngành như khoáng sản, khi hành vi vi phạm thường được phát hiện muộn do địa bàn rộng, khó kiểm tra thường xuyên.

Bên cạnh đó, để bảo đảm nguyên tắc mọi vi phạm hành chính phải bị xử lý nghiêm minh, mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật; hạn chế tình trạng không xử phạt vi phạm hành chính được đối với các vi phạm hành chính đã kết thúc do đã hết thời hiệu xử phạt tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm thì cần thiết phải nâng thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

- Điều 8 Luật XLVPHC quy định: *“Cách tính thời hạn, thời hiệu trong xử lý vi phạm hành chính được áp dụng theo quy định của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp trong Luật này có quy định cụ thể thời gian theo ngày làm việc.”*

Tuy nhiên, quy định này chưa làm rõ cách xác định “ngày làm việc” trong trường hợp Luật XLVPHC quy định cụ thể thời gian theo ngày làm việc, dẫn đến cách hiểu và áp dụng không thống nhất trong thực tiễn. Trên thực tế, đã phát sinh khó khăn, vướng mắc trong việc xác định có hay không việc tính thứ bảy, chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết vào thời hạn xử lý vi phạm hành chính, đặc biệt đối với các thủ tục có thời hạn ngắn như lập biên bản, ra quyết định xử phạt, tạm giữ tang vật, phương tiện hoặc chuyển hồ sơ vụ việc có dấu hiệu tội phạm.

- Điều 9 và Điều 10 Luật XLVPHC, một số quy định về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ còn mang tính định tính, chưa được hướng dẫn cụ thể để áp dụng, cụ thể như: yếu tố *“đặc biệt nghiêm trọng”*, *“gây hậu quả lớn”*, *“quy mô lớn”*, *“vụ việc”*, *“tình tiết phức tạp”*, *“gây hậu quả nghiêm trọng”*, *“người già yếu”*, *“có tình trốn tránh, trì hoãn”*... Điều này dẫn đến khó khăn trong việc xác định mức độ, tính chất của hành vi vi phạm hành chính, khi áp dụng, người có thẩm quyền xử

phạt có tâm lý “sợ sai” nên không áp dụng đồng thời dẫn đến tình trạng thiếu thống nhất trong việc áp dụng quy định của pháp luật.

- Điều 11 Luật XLVPHC quy định 05 trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính. Khoản 3 Điều 9 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định: *“Tổ chức, cá nhân thực hiện nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo được loại trừ trách nhiệm hành chính, miễn trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại gây ra cho Nhà nước nếu đã tuân thủ đầy đủ quy trình, quy định trong quá trình triển khai thực hiện nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo và không có hành vi gian lận, cố ý vi phạm pháp luật, không sử dụng sai mục tiêu, phạm vi kinh phí”*. Tuy nhiên, hiện nay, rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ chưa được quy định là trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính dẫn đến khó khăn, vướng mắc khi áp dụng.

- Về mức phạt tiền trong xử phạt vi phạm hành chính; mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực quản lý nhà nước:

Mức phạt tiền tối đa được quy định tại Điều 24 Luật Xử lý vi phạm hành chính, sau hơn 13 năm thi hành, đã bộc lộ nhiều bất cập và không còn phù hợp với thực tiễn. Trong bối cảnh nền kinh tế - xã hội nước ta đang có những bước chuyển mình mạnh mẽ, mức chi tiêu cùng với quy mô kinh tế ngày càng mở rộng đã khiến mức tiền phạt tối đa trong các lĩnh vực hiện tại trở nên quá thấp, thiếu sức răn đe đối với các chủ thể vi phạm. Cụ thể, mức phạt tiền trong xử phạt vi phạm hành chính và mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực quản lý nhà nước được giữ nguyên từ năm 2012 đến nay; trong khi đó, mức lương cơ sở năm 2012 là 1.050.000 đồng/tháng, đến năm 2025 là 2.340.000 đồng/tháng (gấp 2,2 lần so với năm 2012); thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam năm 2012 khoảng 2.000.000 đồng/người/tháng, đến năm 2024 khoảng 7.700.000 đồng/người/tháng (gấp 3,85 lần so với năm 2012). Tại nhiều lĩnh vực như môi trường, an toàn thực phẩm, khoáng sản, an ninh mạng, an toàn thông tin mạng, phòng cháy, chữa cháy..., mức lợi nhuận thu được từ hành vi vi phạm thường cao gấp nhiều lần so với số tiền phạt tối đa mà cơ quan chức năng có thể áp dụng. Điều này dẫn đến việc chế tài tiền phạt không bảo đảm tính răn đe, phòng ngừa, không tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi vi phạm.

- Khoản 3 Điều 25 Luật XLVPHC quy định: *“Thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, đình chỉ hoạt động quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này từ 01 tháng đến 24 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành. Người có thẩm quyền xử phạt giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề”*. Tuy

nhiên, khoản 1 Điều 73 Luật XLVPHC quy định *"Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính phải chấp hành quyết định xử phạt trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trường hợp quyết định xử phạt vi phạm hành chính có ghi thời hạn thì hành nhiều hơn 10 ngày thì thực hiện theo thời hạn đó"*. Quy định nêu trên gây ra khó khăn, vướng mắc trong việc xác định thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép chứng chỉ hành nghề/đình chỉ hoạt động.

- Về nguyên tắc xác định và phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả (Điều 52 Luật XLVPHC): Thực tiễn thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính cho thấy, việc xác định thẩm quyền xử phạt trong nhiều trường hợp còn gặp khó khăn do Luật chưa quy định rõ nguyên tắc để phân định thẩm quyền theo không gian lãnh thổ. Đối với các hành vi vi phạm có tính chất lưu động, diễn ra trên nhiều địa bàn, trên môi trường mạng hoặc được phát hiện thông qua phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, việc xác định chính xác nơi xảy ra hành vi vi phạm hành chính còn khó khăn. Điều này tạo ra khoảng trống pháp lý, làm phát sinh cách hiểu và áp dụng không thống nhất giữa các cơ quan, địa phương. Một số vụ việc bị kéo dài do phải xin ý kiến, chuyển hồ sơ nhiều lần giữa các đơn vị có liên quan, ảnh hưởng đến thời hạn xử lý, làm giảm hiệu quả của công tác xử phạt vi phạm hành chính.

- Về XPVPHC không lập biên bản:

+ Khoản 1 Điều 56 Luật XLVPHC quy định việc XPVPHC không lập biên bản được áp dụng trong trường hợp xử phạt cảnh cáo. Trong trường hợp này người có thẩm quyền xử phạt ra quyết định xử phạt tại chỗ (khoản 3 Điều 56). Quy định này gây khó khăn đối với công tác xử lý vi phạm trong một số lĩnh vực quản lý chuyên ngành có đặc thù xử lý vi phạm trên cơ sở giám sát, hồ sơ, báo cáo, dữ liệu điện tử, không diễn ra trực tiếp tại hiện trường.

+ Ngoài ra, khoản 1 Điều 56 Luật XLVPHC quy định XPVPHC không lập biên bản được áp dụng đối với trường hợp phạt tiền đến 500.000 đồng đối với cá nhân, 1.000.000 đồng đối với tổ chức. Qua thực tiễn thi hành cho thấy, mức tiền phạt này tương đối thấp so với mặt bằng chung của các khung xử phạt trong nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước hiện nay, dẫn đến phạm vi áp dụng xử phạt không lập biên bản rất hẹp. Nhiều hành vi vi phạm hành chính phổ biến lại có mức tiền phạt cao hơn, dù tính chất, mức độ vi phạm không nghiêm trọng và có thể xử lý theo thủ tục đơn giản. Việc giới hạn mức tiền phạt thấp đã làm cho số vụ việc đủ điều kiện áp dụng hình thức xử phạt không lập biên bản rất ít, không đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

+ Khoản 2 Điều 56 Luật XLVPHC quy định: *“Trường hợp vi phạm hành chính được phát hiện bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ, thì phải lập biên bản”*. Thực tế hiện nay, nhiều hành vi vi phạm có tính chất đơn giản, mức xử phạt thấp được phát hiện qua phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ (như camera giám sát, thiết bị ghi hình, ghi âm...) đã có đầy đủ căn cứ, dữ liệu điện tử để ra quyết định xử phạt. Việc buộc phải lập biên bản trong tất cả các trường hợp này làm tăng thủ tục không cần thiết, kéo dài thời gian xử lý, phát sinh chi phí và chưa phù hợp với yêu cầu cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhà nước.

- Việc quy định biên bản xử phạt vi phạm hành chính chỉ được lập 01 lần với 01 hành vi vi phạm trong một số trường hợp gặp khó khăn, cụ thể: vì các lý do khách quan khác nhau (lấy ý kiến các có quan chuyên môn khi còn quan điểm trái chiều, xác minh hành vi, giám định phân tích...) nên không đảm bảo theo quy định về thời hạn lập biên bản, dẫn đến không ban hành được Quyết định xử phạt.

- Về xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính, Điều 59 Luật XLVPHC chưa có quy định cụ thể về trường hợp tiến hành xác minh, các biện pháp xác minh, gây khó khăn trong triển khai thực hiện.

Bên cạnh đó, tại khoản 1 Điều 59 Luật XLVPHC quy định: *“Trong quá trình xem xét, ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt có thể trưng cầu giám định. Việc trưng cầu giám định được thực hiện theo quy định của pháp luật về giám định”*. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 2 Luật Giám định tư pháp quy định *“Người trưng cầu giám định bao gồm cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng”*. Thực tế hiện nay, nhiều trường hợp Công an cấp xã muốn tiến hành trưng cầu giám định các vụ việc VPHC, khi gửi Quyết định trưng cầu giám định thì không được chấp nhận bởi cơ quan tiến hành giám định.

- Về xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính: Việc định giá tang vật VPHC theo khoản 3 Điều 60 Luật XLVPHC và khoản 1 Điều 6 Thông tư số 173/2013/TT-BTC: khi có vụ việc phải xác định giá trị tang vật VPHC cần thành lập Hội đồng định giá, trong đó Sở Tài chính là thành viên Hội đồng. Đối với các cơ quan Trung ương theo ngành dọc đóng trên địa bàn các xã xa trung tâm, vụ việc tang vật giá trị không lớn, quy định nêu trên dẫn đến chi phí phát sinh tương đối lớn. Ngoài ra, chưa có quy định về việc xác định giá đối với tang vật, phương tiện có chứng thư thẩm định giá.

- Về giải trình:

+ Theo quy định tại Điều 61 Luật XLVPHC thì cá nhân, tổ chức vi phạm có quyền giải trình trực tiếp hoặc bằng văn bản với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Tuy nhiên, qua thực tiễn áp dụng cho thấy quy định này còn thiếu tính khả thi. Trong nhiều trường hợp, người có thẩm quyền xử phạt không phải là người trực tiếp phát hiện hành vi vi phạm và lập biên bản vi phạm hành chính; do đó, việc yêu cầu cá nhân, tổ chức vi phạm thực hiện quyền giải trình trực tiếp với người có thẩm quyền xử phạt gặp nhiều khó khăn về điều kiện tiếp cận, thời gian, địa điểm và thủ tục. Ngoài ra, việc chỉ cho phép giải trình với người có thẩm quyền xử phạt còn làm kéo dài thời gian xử lý, phát sinh thủ tục không cần thiết, nhất là trong các trường hợp hành vi vi phạm đơn giản, rõ ràng, có thể được xem xét, làm rõ ngay tại thời điểm lập biên bản.

+ Khoản 1 Điều 61 Luật XLVPHC quy định về các trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm có quyền giải trình theo hướng quyền giải trình được bảo đảm đối với những hành vi VPHC mà pháp luật quy định hình thức xử phạt nghiêm khắc (tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, đình chỉ hoạt động có thời hạn) hoặc quy định mức tối đa của khung tiền phạt từ 15.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân, từ 30.000.000 đồng trở lên đối với tổ chức. Tuy nhiên, trên thực tế, một số hành vi VPHC không được quy định theo “mức tối đa của khung tiền phạt” mà được xác định theo tỷ lệ hoặc theo số lần khoản thu trái pháp luật.

- Về chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt hành chính, khoản 1 Điều 63 Luật XLVPHC quy định: *“Đối với vụ việc do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự thụ lý, giải quyết, nhưng sau đó ban hành một trong các quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án, quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án, nếu hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền của cơ quan đang thụ lý vụ án phải xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền”*.

Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại nhiều trường hợp hồ sơ vụ việc được chuyển từ cơ quan tiến hành tố tụng hình sự sang cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính nhưng không kèm theo một trong các quyết định quy định tại khoản 1 Điều 63 Luật XLVPHC. Nguyên nhân có thể xuất phát từ việc vụ việc được sàng lọc ngay từ giai đoạn tiếp nhận tin báo, tố giác về tội phạm; vụ việc được chuyển giao trong quá trình phối hợp giữa các cơ quan khi chưa tiến hành các thủ tục tố tụng hình sự chính thức; hoặc trường hợp hành vi được xác định ngay từ đầu là chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Trong các trường hợp nêu trên, do pháp luật chưa quy định rõ thủ tục xử lý, thẩm quyền và trách nhiệm

của các cơ quan liên quan, nên việc xử phạt vi phạm hành chính gặp nhiều lúng túng, áp dụng không thống nhất giữa các địa phương.

- Điều 64 Luật XLVPHC quy định các lĩnh vực được sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để phát hiện vi phạm hành chính. Thực tiễn thi hành cho thấy quy định này chưa bao quát đầy đủ các lĩnh vực quản lý nhà nước có tính chất đặc thù, phức tạp và đòi hỏi cao về tính kịp thời, chính xác trong phát hiện hành vi vi phạm như phòng, chống tác hại thuốc lá, năng lượng nguyên tử, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, quản lý các vùng biển, đảo và thềm lục địa,...

- Trong nhiều trường hợp khi ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, mặc dù pháp luật chuyên ngành quy định hình thức xử phạt bổ sung hoặc biện pháp khắc phục hậu quả là bắt buộc đối với một số hành vi vi phạm, nhưng trên thực tế lại không có hoặc không còn điều kiện để áp dụng các biện pháp này. Cụ thể như, hành vi vi phạm mà pháp luật quy định áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn nhưng người vi phạm không có giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó; hành vi vi phạm mà pháp luật quy định áp dụng hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính nhưng vụ việc vi phạm không có tang vật, phương tiện vi phạm hành chính để tịch thu; hành vi vi phạm mà pháp luật quy định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả nhưng hậu quả không xảy ra hoặc đã được khắc phục toàn bộ trước khi ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Luật XLVPHC chưa có quy định loại trừ rõ ràng đối với các trường hợp này khiến người có thẩm quyền xử phạt gặp khó khăn trong việc áp dụng.

- Điều 70 Luật XLVPHC quy định: *“Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, người đã ra quyết định xử phạt phải gửi cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt, cơ quan thu tiền phạt, cơ quan liên quan khác (nếu có) để thi hành”*. Tuy nhiên, trên thực tế, các đơn vị gặp khó khăn trong việc gửi quyết định xử phạt đến đối tượng vi phạm, nhất là trong lĩnh vực giao thông, do một bộ phận cá nhân vi phạm có nơi cư trú không ổn định hoặc không có mặt tại địa phương, một số trường hợp địa chỉ ghi trong giấy tờ khác với địa chỉ cư trú thực tế hoặc không có địa chỉ cụ thể.

- Về hoãn thi hành quyết định phạt tiền, giảm, miễn tiền phạt:

Điều 76, Điều 77 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định cá nhân, tổ chức để đáp ứng điều kiện được hoãn, miễn, giảm thi hành quyết định phạt tiền phải đáp ứng yêu cầu bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân, bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng trở lên đối với tổ chức và để đáp ứng điều kiện được nộp tiền phạt nhiều lần phải đáp ứng yêu cầu bị phạt tiền từ 15.000.000 đồng trở

lên đối với cá nhân và từ 150.000.000 đồng trở lên đối với tổ chức. Qua thực tiễn áp dụng cho thấy, các quy định này chưa phù hợp với điều kiện kinh tế – xã hội và khả năng tài chính thực tế của người vi phạm. Trong nhiều trường hợp, cá nhân, tổ chức đã lâm vào tình trạng mất hoặc suy giảm nghiêm trọng khả năng tài chính, song do mức tiền phạt chưa đạt ngưỡng luật định nên không đủ điều kiện để được hoãn, miễn, giảm thi hành quyết định phạt tiền và nộp tiền phạt nhiều lần. Mặt khác, khi đối tượng vi phạm không có khả năng thi hành quyết định phạt tiền, việc đặt ra các điều kiện ở mức cao dẫn đến người vi phạm tiếp tục bị buộc nộp phạt sẽ thiếu tính khả thi, làm phát sinh nợ đọng, cưỡng chế kéo dài nhưng hiệu quả thấp.

Đồng thời, việc quy định cá nhân, tổ chức gặp khó khăn về kinh tế nhưng kèm theo điều kiện “do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn” dẫn đến thiếu tính công bằng trong áp dụng pháp luật. Trên thực tế, khó khăn về kinh tế của cá nhân, tổ chức vi phạm có thể phát sinh từ nhiều nguyên nhân khác nhau, không nhất thiết thuộc các trường hợp nêu trên, nhưng vẫn dẫn đến việc không có khả năng thi hành quyết định phạt tiền. Việc không cho phép xem xét các nguyên nhân khác một cách linh hoạt đã hạn chế khả năng áp dụng các biện pháp hoãn, miễn, giảm hoặc nộp tiền phạt nhiều lần, làm giảm hiệu quả thi hành pháp luật và chưa phù hợp với thực tiễn.

- Về thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

Hiện nay, nhiều nội dung liên quan đến trách nhiệm trong thi hành quyết định xử phạt như quyết định việc hoãn, miễn, giảm nộp tiền phạt; áp dụng nộp tiền phạt nhiều lần; thu giữ, bảo quản, giao lại giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ; tạm giữ và ra quyết định thu hồi giấy phép, chứng chỉ hành nghề được cấp không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái pháp luật; theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do cá nhân, tổ chức thực hiện; tổ chức thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không xác định được đối tượng vi phạm hành chính hoặc cá nhân chết, mất tích hoặc tổ chức bị giải thể, phá sản mà không có tổ chức nào tiếp nhận chuyển giao quyền và nghĩa vụ theo quy định; tổ chức thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp khẩn cấp, cần khắc phục ngay hậu quả để kịp thời bảo vệ môi trường, bảo đảm giao thông còn thiếu chủ thể có thẩm quyền thực hiện. Cụ thể, Điều 76, Điều 79, Điều 80, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính hiện chỉ giao thẩm quyền quyết định và thực hiện các nội dung trên cho người có thẩm quyền xử phạt là chưa đầy đủ và bảo đảm tính khả thi. Trên thực tế, nhiều trường hợp người có thẩm quyền xử phạt không trực tiếp thực hiện các nội dung trên hoặc không còn tồn tại (giải thể, sáp nhập...) thì cần thiết phải có chủ thể

khác thực hiện, tránh tình trạng khoảng trống pháp lý, không thực thi được trên thực tế.

- Các quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính hiện còn thiếu nội dung về các trường hợp được hoãn, giảm, miễn đối với việc thi hành hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả nên nhiều quyết định xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả không thi hành được do người vi phạm gặp khó khăn.

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật XLVPHC thì người có thẩm quyền xử phạt phải lập biên bản tịch thu tang vật, phương tiện VPHC. Tuy nhiên, quy định này rất khó thực hiện trong thực tiễn, đặc biệt là trường hợp người có thẩm quyền xử phạt là Chủ tịch UBND các cấp hoặc Cục trưởng Cục ở Trung ương được tổ chức theo hệ thống ngành dọc.

- Việc áp dụng hình thức tịch thu tang vật là khoáng sản có được do doanh nghiệp thực hiện hành vi vi phạm gặp nhiều vướng mắc trong thực tiễn khi khoáng sản vốn có khối lượng lớn, kích thước công kênh, một số loại khoáng sản có đặc điểm biến chất, suy giảm theo thời gian đặt ra yêu cầu phải có quy định hướng dẫn cụ thể về cách thức vận chuyển, tập kết, trông coi bảo quản, định giá, xử lý tang vật vi phạm tạo thuận lợi, tránh lúng túng cho các cơ quan chức năng.

- Về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

Hiện nay, nhiều cá nhân, tổ chức sau khi bị xử phạt không tự nguyện chấp hành, cố tình chây ỳ, kéo dài thời gian hoặc tìm cách né tránh nghĩa vụ thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trong khi hệ thống biện pháp cưỡng chế hiện hành còn hạn chế, chưa đầy đủ, chưa bao quát hết các tình huống phát sinh, đặc biệt đối với các đối tượng có điều kiện kinh tế, hoạt động sản xuất, kinh doanh phức tạp hoặc có yếu tố liên ngành, liên lĩnh vực.

Quy định tại Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) hiện hành quy định 05 biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, gồm: (1) Khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập; (2) khấu trừ tiền từ tài khoản của cá nhân, tổ chức vi phạm; (3) kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá; (4) thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính do cá nhân, tổ chức khác đang giữ trong trường hợp cá nhân, tổ chức sau khi vi phạm cố tình tẩu tán tài sản; (5) buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Trong số 05 biện pháp nêu trên thì có 04 biện pháp đầu tiên là để cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt có hình thức xử phạt tiền và biện pháp cuối cùng là để cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt có biện pháp khắc phục hậu quả. Tuy

nhiên, trên thực tế còn một số hình thức xử phạt bổ sung như tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn, đình chỉ hoạt động có thời hạn... chưa được gắn với cơ chế cưỡng chế cụ thể khi người vi phạm không tự nguyện chấp hành. Việc thiếu vắng các biện pháp bảo đảm cưỡng chế thi hành trên thực tế dẫn đến tình trạng quyết định xử phạt chỉ dừng lại ở hình thức, khó triển khai hoặc triển khai không triệt để, nhất là đối với các cá nhân, tổ chức cố tình chây ỳ, né tránh nghĩa vụ chấp hành.

- Về các biện pháp xử lý hành chính:

+ Tại khoản 3, 4, 5, 6 Điều 90 và điểm a khoản 1 Điều 94 Luật XLVPHC quy định trong thời hạn 06 tháng nếu người vi phạm (theo độ tuổi luật quy định) bị lập biên bản vi phạm hành chính tại lần vi phạm thứ ba thì bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, đặc khu; bị áp dụng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Tuy nhiên, qua thực tiễn triển khai cho thấy, việc giới hạn thời gian 06 tháng để xác định hành vi vi phạm lần thứ ba là tương đối ngắn, chưa bảo đảm đầy đủ tính răn đe và yêu cầu quản lý đối với nhóm đối tượng vi phạm nhiều lần. Trên thực tế, nhiều trường hợp đối tượng thực hiện hành vi vi phạm lần thứ ba sau khi đã quá thời hạn 06 tháng nên không đủ căn cứ áp dụng các biện pháp giáo dục hoặc đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; thậm chí có đối tượng lợi dụng quy định này, cố tình giãn cách thời gian vi phạm để tránh bị áp dụng biện pháp xử lý nghiêm khắc hơn. Hệ quả là các đối tượng này tiếp tục tái phạm, gây phức tạp về an ninh, trật tự, ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống, sức khỏe và tâm lý của người dân, đồng thời làm giảm hiệu quả phòng ngừa, giáo dục của pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

+ Tại khoản 2 Điều 105 Luật XLVPHC quy định: *“Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc”*.

Điều 106 Luật Xử lý vi phạm hành chính hiện hành quy định: *“Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định trình tự, thủ tục Tòa án nhân dân xem xét, quyết định việc áp dụng các biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc”*.

Theo đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh số 03/2022/UBTVQH15 ngày 13/12/2022 về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Pháp lệnh số 08/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025). Tại Điều 8 Pháp lệnh số 03/2022/UBTVQH15 ngày 13/12/2022 quy định: *“Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án thụ lý hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính (sau đây gọi là hồ sơ đề nghị), Tòa án phải ra một trong các quyết*

định quy định tại điểm k khoản 3 Điều 21 của Pháp lệnh này; đối với vụ việc cần có thời gian kiểm tra, đánh giá, tham khảo ý kiến của các cơ quan chuyên môn hoặc các vụ việc phức tạp khác thì thời hạn này có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày”.

Như vậy, quá trình xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hiện nay còn nhiều thủ tục, thời gian xem xét, quyết định tương đối dài. Vì vậy, đặt ra vấn đề cần phải rút ngắn thời gian, đơn giản hóa thủ tục xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính để đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

+ Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính hiện nay vẫn chỉ được thực hiện bằng phương thức trực tiếp thông qua hồ sơ giấy nên chưa đáp ứng được yêu cầu về chuyển đổi số, rút ngắn thời gian, không phụ thuộc vào khoảng cách địa lý. Vì vậy cần phải tính toán thay đổi quy trình này theo hướng việc gửi hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính có thể được thực hiện bằng phương thức điện tử.

+ Tại khoản 1 Điều 131 Luật XLVPHC quy định: *“Đối với người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc có nơi cư trú ổn định, cơ quan, người có thẩm quyền lập hồ sơ quyết định giao cho gia đình quản lý đối tượng trong thời gian làm thủ tục xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính”*. Quá trình triển khai trên thực tế, đã có rất nhiều trường hợp đối tượng bỏ trốn trong thời gian làm thủ tục xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, gây rất nhiều khó khăn cho lực lượng thực thi công vụ và ảnh hưởng xấu tới an ninh, trật tự.

- Về các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính:

+ Điểm a khoản 1 Điều 122 Luật XLVPHC quy định: *“Cần ngăn chặn, đình chỉ ngay hành vi gây rối trật tự công cộng, gây thương tích cho người khác”*. Phạm vi điều chỉnh của quy định này còn hẹp, chưa bao quát đầy đủ các hành vi nguy hiểm cho xã hội. Trên thực tế, các hành vi đánh nhau, gây tổn hại sức khỏe cho người khác thường diễn biến nhanh, tiềm ẩn nguy cơ leo thang thành bạo lực nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe của người dân và trật tự, an toàn xã hội. Tuy nhiên, do pháp luật chưa quy định rõ đây là các hành vi cần phải ngăn chặn, đình chỉ ngay, việc áp dụng biện pháp ngăn chặn của lực lượng chức năng gặp lúng túng, thiếu căn cứ pháp lý rõ ràng.

+ Khoản 3 Điều 122 Luật XLVPHC quy định: *“Thời hạn tạm giữ người theo thủ tục hành chính không quá 12 giờ; trong trường hợp cần thiết, thời hạn*

tạm giữ có thể kéo dài hơn nhưng không quá 24 giờ, kể từ thời điểm bắt đầu giữ người vi phạm;... ”. Bên cạnh mục đích đình chỉ, ngăn chặn ngay hành vi vi phạm, ngăn chặn hậu quả tác hại do hành vi vi phạm gây ra, lực lượng thi hành công vụ còn tiến hành xác minh làm rõ nội dung vụ việc, nhân thân đối tượng một cách chính xác, kịp thời, khách quan toàn diện, từ đó có biện pháp xử lý đúng người, đúng hành vi, tránh bỏ lọt vi phạm, không làm oan, làm sai. Tuy nhiên, thời hạn tạm giữ như quy định hiện hành là tương đối ngắn, thực tế cho thấy có nhiều trường hợp vi phạm cần xác minh, làm rõ lai lịch nhân thân, giá trị hàng hóa, thu thập số liệu chứng cứ và hồ sơ liên quan đến đối tượng vi phạm thì thời hạn tạm giữ như trên là không đủ để cơ quan chức năng tiến hành các thủ tục cần thiết, gây khó khăn cho các lực lượng trong việc quản lý đối tượng vi phạm.

Ngoài ra, tại khoản 3 Điều 122 Luật XLVPHC mới chỉ quy định đối với trường hợp tạm giữ để xác định tình trạng nghiện ma túy theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này thì thời hạn tạm giữ có thể kéo dài hơn nhưng không quá 05 ngày, kể từ thời điểm bắt đầu giữ người vi phạm. Tuy nhiên thực tiễn đặt ra vấn đề đối với trường hợp tạm giữ để thi hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này thì cần thiết phải kéo dài thời hạn tạm giữ.

+ Điểm c khoản 4 Điều 125 Luật XLVPHC quy định: *“Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi lập biên bản, người lập biên bản phải báo cáo người có thẩm quyền tạm giữ về tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề đã tạm giữ để xem xét ra quyết định tạm giữ; quyết định tạm giữ phải được giao cho người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm 01 bản”*, theo quy định này việc tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề phải trải qua nhiều bước từ việc lập biên bản tạm giữ, tiếp đó người lập biên bản tạm giữ báo cáo người có thẩm quyền tạm giữ, sau đó người có thẩm quyền tạm giữ ra quyết định tạm giữ, cuối cùng là gửi quyết định tạm giữ cho người, đại diện tổ chức vi phạm. Quy trình này trên thực tế còn rườm rà, kéo dài thời gian xử lý, làm giảm tính kịp thời của biện pháp ngăn chặn, tăng áp lực cho lực lượng thi hành công vụ.

- Quy định niêm phong tang vật, phương tiện VPHC bị tạm giữ theo khoản 5b Điều 125 Luật XLVPHC thiếu tính thực tế, gây khó khăn cho cơ quan thực thi pháp luật, đặc biệt đối với các tang vật công kênh, khó niêm phong, khó bảo quản (như xuồng, thuyền hút cát cỡ lớn được neo đậu trên sông...); thêm thủ tục, kéo dài, phức tạp quy trình xử lý đối với vụ việc VPHC.

- Tại khoản 5c Điều 125 Luật XLVPHC quy định biên bản, quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thể được lập, gửi bằng phương thức điện tử. Như vậy theo quy định này, việc ứng dụng công nghệ số trong xử phạt vi phạm hành chính còn hạn chế, mới chỉ mang tính nguyên tắc. Việc lập biên bản tạm giữ, biên bản trả lại tang vật, phương tiện thường được lập bằng phương pháp thủ công, trực tiếp nên trong quá trình thực hiện, người thi hành công vụ phải mang theo rất nhiều giấy tờ, tài liệu, như quyết định kiểm tra, biên bản kiểm tra, biên bản vi phạm hành chính, biên bản tạm giữ cùng nhiều loại giấy tờ khác. Thực tiễn đặt ra vấn đề cần phải đẩy mạnh, cụ thể hóa việc lập biên bản tạm giữ, biên bản trả lại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bằng phương thức điện tử trên môi trường điện tử.

+ Theo quy định tại khoản 8 Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định: *"Thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày tạm giữ; trường hợp vụ việc phải chuyển hồ sơ đến người có thẩm quyền xử phạt thì thời hạn tạm giữ không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày tạm giữ"*. Như vậy, trong trường hợp việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề được thực hiện trước khi lập biên bản vi phạm hành chính thì khi ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì sẽ bị quá thời hạn tạm giữ.

Đồng thời, việc quy định về thời hạn tạm giữ như trên là quá ngắn, gây không ít khó khăn trong quá trình xử lý vụ việc, đặc biệt là việc tạm giữ, thực hiện giám định về hàng hóa, vì đối với các trường hợp để lấy mẫu kiểm nghiệm, giám định thì thời hạn thường trên 10 ngày mới có kết quả.

+ Tại khoản 1 Điều 126 Luật XLVPHC quy định trả lại phương tiện vi phạm cho chủ sở hữu trong trường hợp chứng minh được lỗi không do người có phương tiện gây ra nhưng không quy định cụ thể thời gian nên dẫn đến lúng túng trong áp dụng.

+ Tại Điểm b khoản 4 Điều 126 Luật XLVPHC quy định *"Trường hợp không xác định được người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp của tang vật, phương tiện... Hết thời hạn 01 năm, kể từ ngày thông báo lần thứ hai nếu người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, người có thẩm quyền phải ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính"*. Việc quy định ra quyết định tịch thu sau khi hết thời hạn 01 năm kể từ ngày thông báo lần thứ hai gây nhiều bất cập trong quá trình triển khai, cụ thể như: nhiều đơn vị không có nhà kho để bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm

hành chính bị tịch thu. Tang vật, phương tiện bị tạm giữ lâu ngày không được xử lý có thể dẫn đến bị hư hỏng, suy giảm về chất lượng, đặc tính, có thể bị mất; đồng thời, có thể dẫn tới tăng chi phí cho ngân sách nhà nước do phát sinh thêm chi phí để bảo quản, tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm.

- Về quản lý tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính:

Số tiền thu được từ xử phạt vi phạm hành chính nộp vào ngân sách nhà nước hàng năm là rất lớn; trong khi đó, số kinh phí của ngân sách đầu tư trở lại cho hoạt động này còn hạn chế. Kinh phí phục vụ cho công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính nói chung, công tác xử phạt vi phạm hành chính nói riêng còn hạn chế; trong khi đó, các nhiệm vụ liên quan đến việc tăng cường, hiện đại hóa cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị cho công tác xử lý vi phạm hành chính; hỗ trợ công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn cho người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính; kinh phí bảo đảm cho lực lượng làm công tác quản lý, xử lý VPHC,... đòi hỏi nguồn lực tài chính lớn; tuy nhiên, hiện nay chưa có quy định cho phép trích lại nguồn thu từ xử phạt vi phạm hành chính.

- Luật XLVPHC quy định những trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nhưng không có quy định về trường hợp không áp dụng hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả; trong khi thực tế hiện nay cũng có nhiều trường hợp vì lý do khách quan mà không thể hoặc không cần thiết phải áp dụng hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả.

- Luật XLVPHC chưa quy định cụ thể về trình tự, thủ tục thi hành hình thức xử phạt bổ sung, cưỡng chế thi hành hình thức xử phạt bổ sung nên thiếu cơ sở pháp lý để thực hiện, gây khó khăn cho việc thi hành quyết định xử phạt.

- Hiện nay, việc ứng dụng công nghệ số trong xử phạt vi phạm hành chính còn hạn chế. Việc phát hiện vi phạm hành chính và thực hiện thủ tục xử phạt vi phạm hành chính chủ yếu được thực hiện bằng các phương pháp thủ công, trực tiếp trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành về xử phạt vi phạm hành chính. Quá trình thực hiện người thi hành công vụ phải mang theo rất nhiều giấy tờ, tài liệu, như quyết định kiểm tra, biên bản kiểm tra, biên bản vi phạm hành chính, biên bản tạm giữ cùng nhiều loại giấy tờ khác.

3.1.2. Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ quy định của các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật

- Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 118/NĐ-CP quy định: “*Chứng từ thu, nộp tiền phạt, tiền chậm nộp phạt được in, phát hành, quản lý, sử dụng thống nhất trong phạm vi toàn quốc hoặc chứng từ điện tử nộp ngân sách nhà nước theo*

quy định của pháp luật để xác nhận số tiền mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính đã nộp cho cơ quan thu tiền phạt. Chứng từ thu, nộp tiền phạt, tiền chậm nộp phạt vi phạm hành chính phải được lưu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về lưu trữ.”. Tuy nhiên, Luật XLVPHC không quy định trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước trong việc thông tin về việc nộp tiền phạt của người bị xử phạt đến người đã ban hành quyết định xử phạt, không quy định trách nhiệm của người bị xử phạt khi đã thi hành việc nộp tiền phạt thì báo kết quả thi hành đến người đã ban hành quyết định xử phạt nên việc theo dõi kết quả thi hành quyết định xử phạt về hình thức phạt tiền gặp khó khăn.

- Về đình chính, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP, hiện nay chưa có quy định đối với trường hợp các quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải hủy bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung dẫn đến có thay đổi về các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả thì chưa có quy định về việc thực hiện các biện pháp nhằm khắc phục sai sót như: Việc hoàn trả hoặc thu thêm tiền phạt (có thay đổi về mức tiền phạt), không áp dụng hoặc thay đổi về hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả... dẫn đến việc lúng túng, vướng mắc trong tổ chức thực hiện.

- Mẫu Biên bản tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (mẫu Biên bản số 20) không có trường thông tin thể hiện (họ và tên, địa chỉ...) của người chứng kiến trong nội dung biên bản nhưng cuối biên bản lại có mục của người chứng kiến ký tên.

- Tại Nghị định số 189/2025/NĐ-CP chưa quy định thẩm quyền xử phạt của một số chức danh: Cục trưởng Cục Văn thư và Lưu trữ, Bộ Nội vụ;...¹

- Điểm b khoản 1 Điều 37a Luật XLVPHC quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của “Thủ trưởng tổ chức thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ thực hiện nhiệm vụ quản lý theo ngành, lĩnh vực”. Tuy nhiên, tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 189/2025/NĐ-CP chưa quy định đầy đủ các chức danh tương ứng với chủ thể có thẩm quyền xử phạt theo quy định của Luật. Đồng thời, các quy định khác của Nghị định số 189/2025/NĐ-CP cũng chưa có nội dung dẫn chiếu hoặc giao cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quy định hoặc quyết định cụ thể các chức danh này. Việc chưa quy định đầy đủ và rõ ràng nêu trên gây khó khăn, lúng túng trong quá

¹ Công văn số 6652/BNV-PC ngày 19/8/2025 của Bộ Nội vụ

trình tổ chức thực hiện về xác định chủ thể có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực chuyên ngành cụ thể.

- Quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả của các chức danh được quy định tại các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực buôn lậu, hàng giả, gian lận thương mại không còn phù hợp với quy định tại Chương II của Nghị định 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

- Chưa có quy định về hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực công tác dân tộc, các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo nên chưa áp dụng được các biện pháp XLVPHC trong lĩnh vực này¹.

- Việc xây dựng văn bản QPPL quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ của nhiều bộ, ngành và phải bảo đảm sự thống nhất giữa các văn bản QPPL về XLVPHC và giữa pháp luật về XLVPHC với pháp luật khác có liên quan. Do phạm vi điều chỉnh tương đối lớn nên các nghị định XPVPHC trong các lĩnh vực thường liên quan đến nhiều văn bản QPPL có nội dung quản lý nhà nước khác nhau, trong trường hợp các văn bản làm căn cứ ban hành được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì các nghị định về XPVPHC cũng sẽ phải sửa đổi, bổ sung tương ứng cho phù hợp, khiến cho việc xây dựng, cập nhật hành vi vi phạm chưa thực sự được hiệu quả. Hơn nữa các văn bản này lại thay đổi không đồng thời, việc sửa đổi, bổ sung văn bản nội dung quản lý nhà nước được thực hiện ở các thời điểm khác nhau dẫn đến việc một nghị định XPVPHC quy định trong nhiều lĩnh vực có thể bị sửa đổi, bổ sung nhiều lần, gây khó khăn trong việc soạn thảo và áp dụng pháp luật.

- Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp:

+ Điều 13 quy định về các hành vi vi phạm về khai thác lâm sản trong rừng không được phép của cơ quan có thẩm quyền thì bị xử phạt tùy theo tính chất và mức độ vi phạm theo từng loại rừng cụ thể (rừng sản xuất, phòng hộ, đặc dụng). Tuy nhiên, trong trường hợp hành vi vi phạm về khai thác rừng trái pháp luật xảy ra với nhiều loại rừng khác nhau, lâm sản sau khi khai thác không còn ở tại hiện trường khai thác mà được người vi phạm vận chuyển ra khỏi vị trí khai thác và được tập kết cùng với nhau và không có đủ cơ sở, căn cứ để xác định khối

¹ Báo cáo số 1693/BC-BD TTG ngày 20/8/2025 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo

lượng lâm sản khai thác trái pháp luật ở từng loại rừng cụ thể, nên không có cơ sở để ban hành quyết định xử phạt theo Điều 13 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP.

+ Khoản 14, Điều 20 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2022/NĐ-CP) quy định về biện pháp khắc phục hậu quả: *"Buộc trồng lại rừng hoặc thanh toán chi phí trồng lại rừng đến khi thành rừng theo suất đầu tư được áp dụng ở địa phương tại thời điểm VPHC"* nhưng chưa có quy định cụ thể đối với việc quản lý, sử dụng đối với diện tích rừng trồng do thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Việc không có quy định về quản lý, sử dụng đối với diện tích rừng trồng trên dẫn đến khó khăn trong quản lý, ảnh hưởng đến hiệu lực thi hành của các quyết định XPVPHC, thiếu tính răn đe, từ đó dẫn đến việc cố tình vi phạm.

+ Theo quy định tại điểm b khoản 20 Điều 22 (đã được sửa đổi tại điểm d khoản 13 Điều 1 Nghị định số 07/2022/NĐ-CP) thì hành vi vận chuyển lâm sản trái pháp luật bị tịch thu phương tiện vi phạm trong trường hợp: *"Sử dụng xe sản xuất, lắp ráp trái quy định..."*. Tuy nhiên, chưa có quy định về xác định xe *"sản xuất, lắp ráp trái quy định"* do đó thực tế xử lý một số trường hợp vi phạm sử dụng máy nông nghiệp (xe tắc tơ) có đầu nối thêm thùng kéo để vận chuyển lâm sản trái pháp luật, người có thẩm quyền còn lúng túng.

3.2. Khó khăn, vướng mắc trong việc tổ chức thực hiện

3.2.1. Về các điều kiện bảo đảm thi hành Luật

a) Kinh phí; cơ sở vật chất, kỹ thuật

- Trang thiết bị kỹ thuật phục vụ cho hoạt động kiểm tra, thanh tra còn thiếu như: chưa có thiết bị đo điện tử về độ sâu nước bề bơi, thiết bị đo cường độ ánh sáng trong hoạt động kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường, phòng tập thể dục thể hình, các thiết bị máy thiết lập, in ấn biên bản ... nên đã phần nào ảnh hưởng đến hiệu quả của hoạt động kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm.

- Nhiều bộ, ngành chưa bố trí đầy đủ kho bãi để bảo quản tang vật VPHC.

- Pháp luật hiện hành có quy định cho phép xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử, tuy nhiên cần rà soát, đầu tư về cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, thông tin để thực hiện hoạt động trên.

- Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính chưa hoàn thiện, chưa đáp ứng được yêu cầu thông tin trong xử lý vi phạm hành chính.

b) Tổ chức bộ máy, nhân sự

Lực lượng cán bộ thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra về xử lý vi phạm hành chính trong nhiều lĩnh vực hiện nay còn mỏng và chưa tương xứng với yêu

cầu quản lý nhà nước trong bối cảnh tính chất vi phạm ngày càng đa dạng, phức tạp. Trên thực tế, nhiều lĩnh vực chuyên ngành đòi hỏi cán bộ thực thi không chỉ nắm vững pháp luật về xử lý vi phạm hành chính mà còn phải có kiến thức chuyên sâu, chuyên ngành; tuy nhiên, số lượng cán bộ đáp ứng đồng thời các yêu cầu này còn hạn chế. Bên cạnh đó, địa bàn quản lý rộng, đối tượng quản lý phân tán dẫn đến tình trạng quá tải, khó bảo đảm tần suất thanh tra, kiểm tra thường xuyên, kịp thời. Hệ quả là nhiều hành vi vi phạm chỉ được phát hiện khi đã kéo dài hoặc gây hậu quả đáng kể, làm giảm hiệu quả phòng ngừa, răn đe của công tác xử lý vi phạm hành chính và đặt ra yêu cầu cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế, tổ chức lực lượng và phương thức thanh tra, kiểm tra trong thời gian tới.

3.2.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ

- Công tác tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ trực tiếp liên quan công tác xử lý vi phạm hành chính, đặc biệt là tập huấn nghiệp vụ quản lý xử lý vi phạm hành chính tại các Cục, Vụ thuộc Bộ còn hạn chế. Nội dung tập huấn chủ yếu mang tính phổ biến quy định chung, chưa đi sâu vào kỹ năng nghiệp vụ chuyên ngành. Tần suất và quy mô tập huấn chưa đáp ứng yêu cầu, chưa theo kịp việc sửa đổi, bổ sung của hệ thống pháp luật về xử lý vi phạm hành chính cũng như sự phát sinh của các hành vi vi phạm mới, phức tạp. Bên cạnh đó, việc tổ chức tập huấn còn thiếu tính đồng bộ giữa các đơn vị, chưa gắn chặt với yêu cầu thực tiễn công tác và vị trí việc làm của cán bộ. Những hạn chế này ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả tham mưu, tổ chức thực hiện và chất lượng xử lý vi phạm hành chính, đặt ra yêu cầu cần tăng cường bồi dưỡng chuyên sâu, có trọng tâm, trọng điểm cho đội ngũ cán bộ làm công tác này.

- Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, theo dõi tình hình thi hành pháp luật còn gặp nhiều khó khăn cả về nhân lực và kinh phí. Trước mắt, cơ quan thanh tra thuộc các bộ đã kết thúc hoạt động, nhiệm vụ xử phạt vi phạm hành chính cần chuyển giao cho cơ quan, người có thẩm quyền do vậy cần tăng cường công tác tập huấn bảo đảm hoạt động kiểm tra chuyên ngành (công tác xử phạt vi phạm hành chính không bị gián đoạn).

3.2.3. Việc phối hợp giữa các ngành, cơ quan chức năng trong xử lý vi phạm hành chính

Việc phối hợp giữa các ngành, cơ quan chức năng trong xử lý vi phạm hành chính trên thực tế còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Trước hết, quy định pháp luật về phân công, phân cấp và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan trong nhiều lĩnh vực

còn thiếu cụ thể, chưa đồng bộ, dẫn đến tình trạng chồng chéo hoặc bỏ trống trách nhiệm, nhất là đối với các hành vi vi phạm có tính chất liên ngành, liên lĩnh vực. Trong quá trình xử lý, việc trao đổi thông tin, cung cấp hồ sơ, tài liệu giữa các cơ quan còn chậm, chưa kịp thời; cơ chế chia sẻ dữ liệu dùng chung về vi phạm hành chính chưa hoàn thiện, chủ yếu thực hiện thủ công hoặc qua nhiều khâu trung gian, làm kéo dài thời gian xử lý và ảnh hưởng đến thời hiệu xử phạt.

3.2.4. Về công tác kiểm tra, thanh tra

Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát chưa đáp ứng yêu cầu thực tế nên chưa phát hiện, xử lý kịp thời các vi phạm pháp luật, khi thực hiện nhiệm vụ còn lúng túng và thiếu sót.

3.2.5. Về việc báo cáo, thống kê

Thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật XLVPHC, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 01/2023/TT-BTP để quy định thống nhất về chế độ báo cáo công tác thi hành pháp luật về XLVPHC, tuy nhiên, hiện nay, việc thực hiện chế độ báo cáo của một số bộ, ngành, địa phương chưa bảo đảm đúng quy định của Thông tư số 01/2023/TT-BTP. Theo đó, một số bộ, ngành chưa gửi báo cáo đúng thời hạn; nội dung báo cáo của một số bộ, ngành, địa phương còn chung chung, thiếu thông tin; số liệu tổng hợp XPVPHC và về áp dụng các BPXLHC của một số bộ, ngành, địa phương còn thiếu, chưa chính xác hoặc thực hiện không đúng biểu mẫu được quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-BTP. Một số cơ quan không tổng hợp số liệu biểu mẫu kèm theo Báo cáo để gửi về Bộ Tư pháp.

Theo phản ánh, kiến nghị về những vướng mắc, bất cập trong công tác báo cáo của một số bộ, ngành, địa phương, quy định về thời hạn báo cáo và thời điểm chốt số liệu được quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước và Thông tư số 01/2023/TT-BTP còn ngắn, gây khó khăn trong công tác tổng hợp, chốt số liệu và hoàn thành báo cáo thống kê theo đúng thời gian quy định và bảo đảm chất lượng

4. Nguyên nhân của khó khăn, vướng mắc

- Hệ thống pháp luật chưa thật sự đồng bộ, tính thống nhất chưa cao. Một số quy định của Luật XLVPHC và văn bản hướng dẫn thi hành còn chưa rõ ràng, cụ thể. Việc hiểu, áp dụng pháp luật cũng như hướng dẫn áp dụng pháp luật giữa các cơ quan, tổ chức còn chưa thống nhất, gây khó khăn, lúng túng cho các đơn vị, địa phương trong quá trình áp dụng.

- Ý thức chấp hành các quy định pháp luật của một bộ phận người dân chưa cao, đặc biệt là những người dân ở nhiều vùng, địa bàn có trình độ dân trí chưa cao, ít có điều kiện tiếp cận, tìm hiểu pháp luật, điều kiện kinh tế khó khăn, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, điều kiện giao thông khó khăn.

- Công tác XLVPHC có phạm vi rộng, liên quan đến nhiều lĩnh vực, bộ, ngành khác nhau dẫn đến một số hành vi vi phạm hành chính được quy định trong các nghị định XPVPHC còn có sự trùng lặp hoặc chưa được quy định; chưa có quy định cụ thể, phân định trách nhiệm rõ ràng giữa các ngành, cơ quan chức năng trong phối hợp thực hiện công tác XLVPHC; chế tài xử phạt đối với một số hành vi vi phạm chưa đủ sức răn đe.

- Số lượng các văn bản quy phạm pháp luật về XLVPHC lớn, nhiều nội dung khó, phức tạp, trong khi cán bộ, chiến sĩ thực hiện công tác XLVPHC của các đơn vị phần lớn là kiêm nhiệm, chưa đảm bảo kiến thức, kỹ năng chuyên môn về công tác này và phải thực hiện luân chuyển thay đổi theo yêu cầu sắp xếp tổ chức dẫn đến công tác tham mưu không kịp thời, đầy đủ.

- Cơ sở vật chất, nguồn nhân lực và điều kiện đảm bảo cho công tác XLVPHC còn hạn chế; việc phát hiện để XLVPHC nhờ sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ trong một số lĩnh vực như: Giao thông, môi trường,... chưa nhiều do còn thiếu phương tiện, thiết bị kỹ thuật, chưa đáp ứng yêu cầu công tác. Nơi bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để phát hiện vi phạm hành chính, nhất là trên lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường chưa đáp ứng yêu cầu. Đặc biệt, trong thời gian qua, hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ như: điều khiển phương tiện mà trong hơi thở có nồng độ cồn hoặc có chất ma túy tăng cao, số lượng phương tiện bị tạm giữ nhiều trong khi nơi bảo quản còn nhiều hạn chế, làm các phương tiện nhanh bị hư hỏng, xuống cấp... Một số vụ việc có tang vật, phương tiện thuộc diện tịch thu có giá trị thấp, số lượng ít không đủ đáp ứng so với chi phí để tổ chức phiên bán đấu giá, nhiều địa phương phải tập hợp, gom một số vụ việc để tổ chức thành một lô hàng đấu giá chung. Do vậy, thời gian xử lý tang vật, phương tiện bị tịch thu thường chậm trễ, kéo dài, tồn đọng. Bên cạnh đó, đối với một số tang vật vi phạm hành chính đặc thù (chất nguy hiểm, độc hại; chất dễ cháy nổ, chất rắn, chất khí, khoáng sản với khối lượng lớn...) việc quản lý, tiêu huỷ đòi hỏi phải thực hiện theo quy trình nghiêm ngặt; tuy nhiên, hiện nay tại các đơn vị, địa phương chưa có kho, bãi chứa chuyên dụng đối với các loại tang vật này nên việc triển khai thực hiện các thủ tục tạm giữ, bảo quản... gặp nhiều khó khăn, tốn kém.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính

Trên cơ sở kết quả tổng kết thực tiễn thi hành pháp luật về XLVPHC, các bộ, ngành liên quan cần phối hợp chặt chẽ, nghiên cứu, đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung toàn diện Luật Xử lý vi phạm hành chính để báo cáo Chính phủ trình Quốc hội xem xét thông qua nhằm giải quyết những hạn chế, bất cập xuất phát từ quy định của Luật với định hướng như sau:

- Hoàn thiện chính sách về mức phạt tiền tối đa, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo hướng quy định mang tính định khung, nguyên tắc chung về thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính; mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực tại Luật Xử lý vi phạm hành chính và giao Chính phủ quy định chi tiết để bảo đảm linh hoạt, phù hợp với thực tiễn hiện nay và trong tương lai.

- Bổ sung quy định cụ thể và đơn giản hóa trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính; ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ trong toàn bộ quy trình xử phạt vi phạm hành chính để đẩy mạnh thực hiện việc xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử.

- Hoàn thiện pháp luật về thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo hướng sửa đổi, bổ sung, quy định cụ thể, chi tiết, rõ ràng một số nội dung nhằm khắc phục những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Bổ sung quy định để khắc phục những khoảng trống, bất cập trong thực tiễn áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Hoàn thiện quy định của pháp luật về các biện pháp xử lý hành chính bảo đảm khắc phục được toàn bộ những khó khăn, vướng mắc từ thực tiễn đặt ra. Trong đó, mục tiêu là quản lý tốt hơn các đối tượng bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; đơn giản hóa trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị, xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính; quản lý chặt chẽ người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

- Hoàn thiện quy định của pháp luật về các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

- Bổ sung quy định cho phép trích lại nguồn thu từ xử phạt vi phạm hành chính để tăng cường, hiện đại hóa cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị cho công tác xử lý vi phạm hành chính; hỗ trợ công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn cho người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính; khen thưởng, quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính.

2. Đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định của các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính

Rà soát quy định của các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế cho phù hợp với Luật, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

3. Đề xuất, kiến nghị các giải pháp tổ chức thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết thi hành

- Tiếp tục triển khai nghiêm túc, đầy đủ, toàn diện và hiệu quả các quy định pháp luật về XLVPHC.

- Tiếp tục quan tâm củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và biên chế thực hiện công tác XLVPHC và công tác quản lý nhà nước về XLVPHC; ưu tiên đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất, kỹ thuật nhằm bảo đảm điều kiện thi hành công tác XLVPHC.

- Chủ động tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu về kỹ năng nghiệp vụ XLVPHC cho đội ngũ cán bộ làm công tác XLVPHC; đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật về XLVPHC cho cá nhân, tổ chức có liên quan.

- Nghiên cứu ban hành, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy chế phối hợp giữa các cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong công tác XLVPHC nhằm tăng cường sự phối hợp trong quá trình XPVPHC.

- Chủ động ban hành đầy đủ các kế hoạch thanh tra, kiểm tra trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, thực hiện nghiêm túc việc XLVPHC khi phát hiện hành vi vi phạm; chú trọng đẩy mạnh công tác kiểm tra và tự kiểm tra việc thi hành pháp luật về XLVPHC để bảo đảm hoạt động xử phạt của các chức danh có thẩm quyền được thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Xây dựng, vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính đảm bảo kết nối, liên thông trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương; sử dụng hiệu quả mạng Internet để khai thác thông tin phục vụ hoạt động xử lý vi phạm hành chính.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức về ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số trong xây dựng, thực thi pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức cho người dân; đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ số cho người có thẩm quyền giải quyết vụ việc vi phạm hành chính để ứng dụng công nghệ số trong quá trình thực thi công vụ.

Trên đây là Báo cáo tổng kết thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Lưu: VT, V03 (P3).

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Lương Tam Quang